

THÔNG TƯ

Quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tảo suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính và Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tảo suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tảo suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập, bao gồm:

- Danh mục A: Vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tảo suất thu gom và phát tối thiểu 2 - 3 lần/tuần;
- Danh mục B: Vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tảo suất thu gom và phát theo tình hình thực tế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 28/2015/TT-BTTTT ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Bưu chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND và Sở KH-CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ KH-CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, BC.

BỘ TRƯỞNG



Vũ Hải Quân



DANH MỤC CÁC VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ ĐẶC BIỆT ÁP DỤNG TẦN SUẤT THU GOM VÀ PHÁT TỐI THIỂU 2 - 3 LẦN/TUẦN

(Ban hành kèm theo Thông tư số .35/TT-BKHCN ngày 26/.6../2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
1	An Giang	Đặc khu Kiên Hải		x
		Đặc khu Phú Quốc		x
		Đặc khu Thổ Châu	x	
		Giồng Riềng		x
		Hà Tiên		x
		Hòa Điền		x
		Hòa Hưng		x
		Hòa Thuận		x
		Hòn Nghệ		x
		Long Thành		x
		Ngọc Chúc		x
		Sơn Hải		x
		Thanh Hưng		x
		Tiên Hải		x
		14	1	13
2	Cà Mau	Biển Bạch	x	
		Cái Đôi Vàm	x	
		Đá Bạc	x	
		Đầm Dơi		x
		Đất Mới	x	
		Đất Mũi	x	
		Hưng Mỹ		x
		Khánh Bình	x	
		Khánh Hưng	x	
		Lương Thế Trân		x
		Nguyễn Việt Khái	x	
		Phan Ngọc Hiền	x	
		Phú Mỹ	x	
		Phú Tân	x	
		Quách Phẩm		x
		Sông Đốc	x	
		Tạ An Khương		x
		Tam Giang	x	
		Tân Ân	x	
		Tân Hưng		x
		Tân Lộc		x
		Tân Thuận	x	
		Tân Tiến		x
		Thanh Tùng		x
		Trần Văn Thời	x	
		Trí Phải	x	
2	Cà Mau	U Minh	x	
		27	18	9

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
3	Cao Bằng	Bạch Đằng		x
		Bảo Lạc		x
		Bảo Lâm		x
		Bế Văn Đàn		x
		Ca Thành		x
		Cần Yên		x
		Cô Ba		x
		Cốc Pàng		x
		Đình Phong		x
		Đoài Dương		x
		Hạ Lang		x
		Hòa An		x
		Hưng Đạo		x
		Huy Giáp		x
		Khánh Xuân		x
		Lũng Nặm		x
		Lý Bôn		x
		Lý Quốc		x
		Minh Tâm		x
		Nam Quang		x
		Phan Thanh		x
		Quảng Lâm		x
		Sơn Lộ		x
		Tam Kim		x
		Thạch An		x
		Thành Công		x
		Thanh Long		x
		Tổng Cột		x
		Vinh Quý		x
		Xuân Trùng		x
		Yên Thổ		x
		31	0	31
4	Đà Nẵng	Đắc Pring		x
		Hùng Sơn		x
		La Dêê		x
		La Êê		x
		Nam Giang		x
		Phước Chánh		x
		Phước Thành		x
		Sông Vàng		x
		Tân Hiệp		x
		Tây Giang		x
		Trà Leng		x
		Trà Linh		x
1	Đà Nẵng	Trà Tập		x
		Trà Vân		x
		Trà Giáp		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
4	Đà Nẵng	Trà Đốc		x
		Bến Hiên		x
		17	0	17
5	Đắk Lắk	Cư Pao		x
		Cư Pui		x
		Cư Yang		x
		Đắk Liêng		x
		Đắk Phơi		x
		Dang Kang		x
		Ea Hiao		x
		Ea Khăl		x
		Ea Knốp		x
		Ea Ô		x
		Ea Păl		x
		Ea Riêng		x
		Ea Rôk		x
		Ea Trang		x
		Ea Wy		x
		Ia Lốp		x
		Ia Lốp		x
		Krông Á		x
		Krông Nô		x
		Nam Ka		x
		Yang Mao		x
		21	0	21
6	Điện Biên	Chà Tở		x
		Chiềng Sinh		x
		Mường Luân		x
		Mường Mùn		x
		Mường Nhà		x
		Mường Nhé		x
		Mường Phăng		x
		Mường Toong		x
		Nà Búng		x
		Nà Hỳ		x
		Nậm Kè		x
		Nậm Nèn		x
		Núa Ngam		x
		P. Mường Lay		x
		Pa Ham		x
		Phình Giàng		x
		Pú Nhung		x
		Quài Tở		x
		Quảng Lâm		x
		Sam Mứn		x
		Sáng Nhè		x
		Sín Chải		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
6	Điện Biên	Sín Thầu		x
		Sính Phình		x
		Thanh Yên		x
		Tà Dình		x
		Tủa Thàng		x
		Xa Dung		x
		28	0	28
7	Đồng Nai	Bình Tân		x
		Bom Bo		x
		Bù Gia Mập	x	
		Đa Kia		x
		Đak Nhau		x
		Đăk Ô	x	
		Đồng Phú		x
		Đồng Tâm		x
		Hưng Phước		x
		Lộc Hưng		x
		Lộc Ninh		x
		Lộc Quang		x
		Lộc Tấn	x	
		Lộc Thành	x	
		Long Hà		x
		Minh Đức		x
		Lộc Thạnh		x
		P. Minh Hưng		x
		P. Phước Long	x	
		Phú Nghĩa	x	
		Phú Trung		x
		Phước Sơn	x	
		Tân Hưng		x
		Tân Khai		x
		Tân Lợi		x
		Tân Quan		x
		Tân Tiến		x
		Thiện Hưng		x
		Thọ Sơn	x	
		Thuận Lợi		x
		30	8	22
8	Gia Lai	An Toàn		x
		Đak Rong		x
		Đak Somei		x
		Ia Dreh		x
8	Gia Lai	Ia Lâu		x
		Ia Mơ		x
		Uar		x
		Vĩnh Sơn		x
		Canh Liên		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
		9	0	9
9	Hà Tĩnh	Phúc Trạch		x
		Vũ Quang		x
		2	0	2
10	Hải Phòng	Đặc khu Cát Hải		x
		1	0	1
11	Lai Châu	Bum Nưa		x
		Bum Tở		x
		Dào San	x	
		Hồng Thu	x	
		Hua Bum		x
		Khoen On		x
		Khun Há		x
		Lê Lợi	x	
		Mù Cả		x
		Mường Kim		x
		Mường Mô		x
		Mường Tè		x
		Nậm Cuối	x	
		Nậm Hàng		x
		Nậm Mạ	x	
		Nậm Sỏ		x
		Nậm Tăm	x	
		P. Tân Phong		x
		Pa Tần	x	
		Pa Ủ		x
		Pu Sam Cáp	x	
		Sì Lở Lầu	x	
		Sín Suối Hồ	x	
		Tà Tổng		x
		Thu Lũm		x
		Tủa Sín Chải		x
		26	10	16
12	Lâm Đồng	Đặc khu Phú Quý		x
		Hàm Thạnh		x
		Phan Sơn		x
		3	0	3
13	Lạng Sơn	Châu Sơn		x
		Công Sơn		x
		Đoàn Kết		x
		Kiên Mộc		x
13	Lạng Sơn	Mẫu Sơn		x
		Nhất Hòa		x
		Quý Hòa		x
		Thái Bình		x
		Thiện Hòa		x
		Xuân Dương		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
		10	0	10
14	Lào Cai	A Mú Sung		x
		Bắc Hà		x
		Bản Liên		x
		Bảo Hà		x
		Bảo Nhai		x
		Cảm Nhân		x
		Cao Sơn		x
		Chế Tạo		x
		Cốc Lầu		x
		Dền Sáng		x
		Khao Mang		x
		Lâm Thượng		x
		Lùng Phình		x
		Minh Lương		x
		Mỏ Vàng		x
		Mường Bo		x
		Mường Khương		x
		Mường Lai		x
		Nậm Xé		x
		Ngũ Chỉ Sơn		x
		Pha Long		x
		Phình Hồ		x
		Phong Dụ Hạ		x
		Phong Dụ Thượng		x
		Sín Chéng		x
		Sơn Lương		x
		Tả Củ Tỷ		x
		Tân Hợp		x
		Y Tý		x
		29	0	29
15	Nghệ An	Bắc Lý		x
		Bình Chuẩn		x
		Châu Lộc		x
		Chiêu Lưu		x
		Hùng Chân		x
		Huồi Tụ		x
		Hữu Khuông	x	
		Hữu Kiệm		x
		Keng Đu	x	
		Mường Lống		x
		Mường Quàng		x
		Mường Típ		x
		Mường Xén		x
		Mỹ Lý		x
		Na Loi	x	
		Na Ngòi		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
15	Nghệ An	Nậm Cắn		x
		Nga My		x
		Nhôn Mai	x	
		Quế Phong		x
		Quỳ Châu		x
		Tam Hợp		x
		Thông Thụ		x
		Tri Lễ		x
		Yên Hòa		x
		Yên Na		x
		26	4	22
16	Phú Thọ	Đà Bắc		x
		Đức Nhân		x
		Mai Châu		x
		Mường Vang		x
		Nật Sơn		x
		Ngọc Sơn		x
		P. Kỳ Sơn		x
		Pà Cò		x
		Quy Đức		x
		Tân Mai		x
		Thượng Cốc		x
		Tiền Phong		x
		Vân Sơn		x
		Yên Phú		x
		14	0	14
17	Quảng Ngãi	Ba Tô		x
		Đăk Kôi		x
		Đăk Mar		x
		Đăk Rơ Wa		x
		Đăk Sao		x
		Đặng Thùy Trâm		x
		Ia Đal	x	
		Ia Toi	x	
		Kon Plông		x
		Măng Bút		x
		Măng Đen		x
		Măng Ri		x
		Mô Rai		x
17	Quảng Ngãi	Ngọc Linh		x
		Sơn Tây Hạ		x
		15	2	13
		Bình Liêu		x
		Cái Chiên		x
		Đặc khu Vân Đồn		x
		Điền Xá		x
		Đường Hoa		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
18	Quảng Ninh	Đông Ngũ		x
		Hải Ninh		x
		Hải Sơn		x
		Hoành Mô		x
		Kỳ Thượng		x
		Lương Minh		x
		Quảng Đức		x
		Quảng La		x
		Thống Nhất		x
		Tiên Yên		x
		Vĩnh Thực		x
		16	0	16
19	Quảng Trị	A Dơi		x
		Ba Lòng		x
		Bến Quan		x
		Đặc khu Cồn Cỏ		x
		Đakrông		x
		Hướng Lập		x
		Hướng Phùng		x
		Kim Ngân		x
		La Lay		x
		Lìa		x
		Tà Rụt		x
		Tân Lập		x
		Thượng Trạch		x
		Trường Sơn		x
		Tuyên Bình		x
		Tuyên Lâm		x
		Tuyên Sơn		x
		17	0	17
20	Sơn La	Bắc Yên		x
		Bó Sinh		x
		Chiềng Hoa		x
		Chiềng Khoong		x
		Chiềng Lao		x
		Chiềng Sại		x
		Chiềng Sơn		x
		Co Mạ	x	
		Đoàn Kết		x
		Gia Phù		x
		Huổi Một		x
		Kim Bôn		x
		Long Hẹ	x	
		Lóng Phiêng		x
		Lóng Sập		x
		Mường Bám	x	
		Mường Bang		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
20	Sơn La	Mường Chiên		x
		Mường Còi		x
		Mường Giôn		x
		Mường Khiêng	x	
		Mường La		x
		Mường Lầm		x
		Mường Lạn		x
		Mường Lèo		x
		Mường Sại		x
		Nậm Ty		x
		Ngọc Chiến		x
		Pắc Ngà		x
		Phiêng Cầm		x
		Phiêng Păn		x
		Púng Bánh		x
		Quỳnh Nhai		x
		Song Khủa		x
		Sốp Cộp		x
		Suối Tọ		x
		Tạ Khoa		x
		Tà Xùa		x
		Tân Phong		x
		Tân Yên		x
		Tô Múa		x
		Tường Hạ		x
		Vân Hồ		x
		Xím Vàng		x
		Xuân Nha		x
		45	4	41
21	Thanh Hóa	Bá Thước		x
		Bát Mọt		x
		Cầm Tân		x
		Cầm Thạch		x
		Cầm Thủy		x
		Cầm Tú		x
		Cầm Vân		x
		Cổ Lũng		x
		Công Chính		x
		Điện Lư		x
		Điện Quang		x
		Đồng Lương		x
		Giao An		x
		Hiền Kiệt		x
		Hoa Lộc		x
		Hóa Quý		x
		Hồi Xuân		x
		Linh Sơn		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
21	Thanh Hóa	Luận Thành		x
		Lương Sơn		x
		Mậu Lâm		x
		Mường Chanh		x
		Mường Lát		x
		Mường Lý		x
		Mường Mìn		x
		Na Mèo		x
		Nam Xuân		x
		Nhi Sơn		x
		Như Xuân		x
		Phú Lệ		x
		Phú Xuân		x
		Pù Luông		x
		Pù Nhi		x
		Quan Sơn		x
		Quang Châu		x
		Quý Lương		x
		Sao Vàng		x
		Sơn Điện		x
		Sơn Thủy		x
		Tam Chung		x
		Tam Lư		x
		Tam Thanh		x
		Tân Thành		x
		Thắng Lợi		x
		Thanh Kỳ		x
		Thanh Phong		x
		Thanh Quân		x
		Thiên Phú		x
		Thiệt Ống		x
		Thượng Ninh		x
		Thường Xuân		x
		Trung Hạ		x
		Trung Lý		x
		Trung Sơn		x
21	Thanh Hóa	Văn Nho		x
		Văn Phú		x
		Vạn Xuân		x
		Xuân Bình		x
		Xuân Chinh		x
		Xuân Thái		x
		Yên Khương		x
		Yên Nhân		x
		Yên Thắng		x
		Trung Thành		x
		Thắng Lộc		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
		Thành Vinh		x
		Thạch Quảng		x
		Nguyệt Ân		x
		Thọ Bình		x
		69	0	69
22	Tuyên Quang	Bắc Mê	x	
		Bạch Đích		x
		Bạch Ngọc	x	
		Bản Máy	x	
		Bằng Hành	x	
		Cán Tỷ	x	
		Cao Bồ	x	
		Đồng Tâm	x	
		Đồng Văn	x	
		Du Già	x	
		Đường Hồng	x	
		Đường Thượng	x	
		Giáp Trung	x	
		Hồ Thầu		x
		Hoàng Su Phì	x	
		Khâu Vai	x	
		Khuôn Lùng		x
		Lao Chải	x	
		Liên Hiệp		x
		Linh Hồ		x
		Lũng Cú	x	
		Lũng Phìn	x	
		Lùng Tám		x
		Mậu Duệ	x	
		Mèo Vạc	x	
		Minh Ngọc	x	
		Minh Sơn	x	
		Minh Tân	x	
		Nậm Dăn	x	
		Nậm Dịch	x	
		Nghĩa Thuận	x	
		Ngọc Long	x	
		Niêm Sơn	x	
		Pà Vầy Sủ	x	
		Phổ Bảng	x	
		Pờ Ly Ngải	x	
		Quản Bạ		x
		Quang Bình		x
		Quảng Nguyên	x	
		Sà Phìn	x	
		Sơn Vĩ	x	
		Sùng Máng	x	

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
22	Tuyên Quang	Tân Quang	x	
		Tân Tiến	x	
		Tát Ngà	x	
		Thắng Mố	x	
		Thành Tín	x	
		Thanh Thủy	x	
		Thông Nguyên		x
		Thuận Hòa	x	
		Thượng Sơn	x	
		Tiên Nguyên	x	
		Tiên Yên	x	
		Trung Thịnh	x	
		Tùng Bá		x
		Tùng Vài	x	
		Việt Lâm		x
		Lũng Phìn	x	
		Xín Mần		x
		Xuân Giang	x	
		Yên Cường	x	
		Yên Minh		x
		Yên Thành	x	
		63	50	13
	TỔNG CỘNG	513	97	416



DANH MỤC CÁC VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ ĐẶC BIỆT ÁP DỤNG TẦN SUẤT THU GOM VÀ PHÁT THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/TT-BKHCN ngày 26/...6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tỉnh/Thành phố	Xã	Tần suất thu gom và phát
1	TP. Hồ Chí Minh	Đặc khu Côn Đảo	Theo tình hình thực tế
2	Khánh Hòa	Đặc khu Trường Sa	
3	TP. Đà Nẵng	Đặc khu Hoàng Sa	
4	Hải Phòng	Đặc khu Bạch Long Vĩ	
5	Quảng Ninh	Đặc khu Cô Tô	
6	Quảng Ngãi	Đặc khu Lý Sơn	